

HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 18 /QĐ-HĐGSNN

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

Căn cứ Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận đạt tiêu chuẩn và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; thủ tục xét hủy bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư;

Căn cứ Quyết định số 1814/QĐ-TTg ngày 24/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng Giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BGDĐT ngày 28/3/2019 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Giáo sư nhà nước, các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Giáo sư cơ sở, được sửa đổi bổ sung một số điều tại Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-TTHĐGSNN ngày 30/6/2020 của Thường trực Hội đồng Giáo sư nhà nước nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ đề xuất của các Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành về Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm năm 2020;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của 28 Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành năm 2020 (danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các Chủ tịch Hội đồng Giáo sư ngành, liên ngành, Chủ tịch Hội đồng Giáo sư cơ sở năm 2020, Chánh Văn phòng Hội đồng Giáo sư nhà nước, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Các Phó Chủ tịch HĐGSNN (để phối hợp);
- Các HĐGS ngành, liên ngành (để thực hiện);
- Các HĐGS cơ sở (để thực hiện);
- Lưu: VP.



GS. TS. Châu Văn Minh



Kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

25. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NGÀNH VĂN HỌC

a) Các chuyên ngành (Specialization):

- 25.1. Lý luận văn học (Literary Theory)
- 25.2. Văn học Việt Nam (Vietnamese Literature)
- 25.3. Văn học dân gian (Folklore)
- 25.4. Văn học nước ngoài (Foreign Literature)
 - 25.4.1. Văn học Nga (Russian Literature)
 - 25.4.2. Văn học Trung Quốc (Chinese Literature)
 - 25.4.3. Văn học Anh (English Literature)
 - 25.4.4. Văn học Pháp (French Literature)
 - 25.4.5. Văn học Bắc Mỹ (North American Literature)
 - 25.4.6. Văn học Ấn Độ (Indian Literature)
 - 25.4.7. Văn học Nhật Bản (Japanese Literature)
 - 25.4.8. Văn học Hàn Quốc (Korean Literature)
 - 25.4.9. Văn học Indonesia (Indonesian Literature)

b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

Số TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm
1.	Các tạp chí khoa học Việt Nam và quốc tế *		Tạp chí	ISI, Scopus (IF $\geq 2,0$)	1,5 – 3,0
				ISI, Scopus (IF $< 2,0$)	1,0 – 2,0
				Top 500 trường đại học hàng đầu thế giới theo Times Higher Education World University Rankings (THE)	1,0 – 2,0
2.	Các tạp chí khoa học quốc tế khác		Tạp chí	Do HĐGS ngành Văn học quyết định cụ thể từng trường hợp.	0 – 1,0 Online 0 – 0,75 Không online
3.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc tế		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, có chỉ số ISBN.	0 – 1,0
4.	Báo cáo khoa học tại hội nghị khoa học quốc gia		Kỷ yếu	Đăng toàn văn trong kỷ yếu (Proceedings), có phản biện khoa học, từ 2017 có chỉ số ISBN.	0 – 0,5



Kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

5.	Nghiên cứu văn học	1859-2856	Tạp chí	Viện Văn học	0 – 1,0
6.	Văn hóa dân gian	0866-7284	Tạp chí	Viện Nghiên cứu văn hóa	0 – 1,0
7.	Hán Nôm	0866-8639	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Hán Nôm	0 – 1,0
8.	Khoa học	0866-8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 1,0
9.	Phát triển khoa học và công nghệ	1859-0128	Tạp chí	Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	0 – 0,75 0 – 1,0 từ 2019
10.	Khoa học	0866-3719	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	0 – 0,75 0 – 1,0 từ 2016
11.	Khoa học Xã hội và Nhân văn	2354-1172	Tạp chí	Trường ĐH KHXH &NV, Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 1,0 từ 2016
12.	Nghiên cứu nước ngoài (VNU Journal of foreign studies)	2525-2445	Tạp chí	Trường ĐH Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 1,0 từ 2017
13.	Lý luận phê bình văn học nghệ thuật	0866-7349	Tạp chí	Hội đồng Lý luận, phê bình văn học nghệ thuật	0 – 0,75 0 – 1,0 từ 2017
14.	Khoa học	1859-1272	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh	0 – 0,75
15.	Văn hóa nghệ thuật	0866-8855	Tạp chí	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0 – 0,75
16.	Khoa học xã hội Việt Nam	1013-4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2019
17.	Khoa học và công nghệ	1859-2171	Tạp chí	Đại học Thái Nguyên	0 – 0,5 0 – 0,75 từ 2019
18.	Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn	2588 - 1213	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,75 từ 2019
19.	Khoa học	1849-2228	Tạp chí	Trường Đại học Vinh	0 – 0,5
20.	Khoa học	1859-2333	Tạp chí	Trường Đại học Cần Thơ	0 – 0,5 từ 2016
21.	Cộng sản	2734-9063 e-2734-9071	Tạp chí	Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	0 – 0,5
22.	Diễn đàn văn nghệ Việt Nam	0863-3093	Tạp chí	Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam	0 – 0,5
23.	Ngôn ngữ	0866-7519	Tạp chí	Viện Ngôn ngữ học	0 – 0,5
24.	Văn học nước ngoài	1859-4670	Tạp chí	Hội Nhà văn Việt Nam	0 – 0,5
25.	Khoa học (của các trường đại học)	0868-3034	Tạp chí	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0 – 0,5

Kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

26.	Ngôn ngữ & đời sống	0868-3409	Tạp chí	Hội Ngôn ngữ học Việt Nam	0 – 0,5
27.	Từ điển học & Bách khoa thư	1859 - 3135	Tạp chí	Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam	0 – 0,5 từ 2017
28.	Khoa học và giáo dục	1859-6603	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng	0 – 0,5
29.	Khoa học	1859-2325	Tạp chí	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội 2	0 – 0,5 từ 2016
30.	Khoa học (tên cũ: Khoa học & Giáo dục)	1859-1612	Tạp chí	Trường Đại học sư phạm, Đại học Huế	0 – 0,5 từ 2016
31.	Khoa học ĐH Sài Gòn	1859-3208	Tạp chí	Trường Đại học Sài Gòn	0 – 0,5
32.	Khoa học	1859-4816	Tạp chí	Trường Đại học Trà Vinh	0 – 0,5
33.	Khoa học	1859-2759	Tạp chí	Trường Đại học Hồng Đức	0 – 0,5 từ 2015
34.	Khoa học ĐH Đà Lạt	0866-787X	Tạp chí	Trường Đại học Đà Lạt	0 – 0,5 từ 2016
35.	Triết học	0866-7632	Tạp chí	Viện Triết học	0 – 0,5
36.	Khoa học và Công nghệ	1859-1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0 – 0,5 từ 2017
37.	Khoa học	2354-1512	Tạp chí	Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội	0 – 0,5 từ 2017
38.	Khoa học Đại học Thủ Dầu Một	1859-4433	Tạp chí	Trường ĐH Thủ Dầu Một	0 – 0,5 từ 2017
39.	Khoa học	2354-1431	Tạp chí	Trường Đại học Tân Trào	0 – 0,5 từ 2017
40.	Khoa học ĐH Văn Hiến	1859-2961	Tạp chí	Trường Đại học Văn Hiến	0 – 0,5 từ 2017
41.	Giáo dục Nghệ thuật	1859-4964	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương	0 – 0,5
42.	Châu Mỹ ngày nay	0868-3654	Tạp chí	Viện nghiên cứu Châu Mỹ	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2019
43.	Nghiên cứu Đông Nam Á	0868-2739	Tạp chí	Viên NC Đông Nam Á	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2019
44.	Nghiên cứu Châu Âu	0868-3581	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Âu	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2019
45.	Nghiên cứu Đông Bắc Á (tên cũ: Nghiên cứu Nhật Bản)	0868-3646	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2019
46.	Nghiên cứu Trung Quốc	0868-3670	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Trung Quốc	0 – 0,25 0 – 0,5 từ 2019
47.	Nghiên cứu dân tộc	0866-773X	Tạp chí	Học viện Dân tộc	0 – 0,5 từ 2019

Kèm theo Quyết định số 18 /2020/QĐ-HĐGSNN ngày 30 tháng 6 năm 2020

48.	Khoa học và Công nghệ Việt Nam	1859-4794	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,25 từ 2017 0 – 0,5 từ 2019
49.	Khoa học xã hội	1859-0136	Tạp chí	Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ	0 – 0,5
50.	Nhân lực Khoa học xã hội	0866-756X	Tạp chí	Học viện Khoa học xã hội	0 – 0,25
51.	Khoa học Xã hội miền Trung	1859-2635	Tạp chí	Viện Phát triển bền vững vùng Trung Bộ	0 – 0,25
52.	Khoa học xã hội Tây Nguyên	1859-4042	Tạp chí	Viện Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên	0 – 0,25
53.	Dạy và học ngày nay	1859-2694	Tạp chí	Trung ương Hội khuyến học Việt Nam	0 – 0,25 từ 2017
54.	Khoa học và Công nghệ	1859-4905	Tạp chí	Trường ĐH Duy Tân	0 – 0,25 từ 2020
55.	Hàn Quốc	2354-0621	Tạp chí	Hội Nghiên cứu khoa học về Hàn Quốc của Việt Nam	0 – 0,25 từ 2020

Ghi chú: (*) Nội dung bài báo phải bảo đảm học thuật, hợp hiến và hợp pháp Việt Nam.

c) Nhà xuất bản có uy tín:

- Nhà xuất bản quốc tế có uy tín: Springer; Elsevier; Wiley-Blackwell; Taylor and Francis; Sage; Oxford University Press; Cambridge University Press; Emerald; Macmillan Publishers; Inderscience Publishers; Edward Elgar Publishing; Degruyter; World Scientific.

- Nhà xuất bản trong nước có uy tín: Khoa học xã hội, Văn học, Văn hóa - Thông tin, Giáo dục Việt Nam, Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm, Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Thái Nguyên, Đại học Vinh, Đại học Huế, Đại học Cần Thơ, Thế giới, Hà Nội, Đà Nẵng, Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, Đại học và trung học chuyên nghiệp (trước đây).